

ĐÁP ÁN

	Câu 1 (2 điểm):				
2,00	<p>Gia đình A hiện có số tiết kiệm trị giá 200 triệu đồng. Thu nhập trung bình mỗi tháng của gia đình là 20 triệu đồng, 50% chi tiêu dùng, 30% chi đầu tư, 20% chi tiết kiệm. Là sinh viên ngành tài chính bạn hãy:</p> <p>a. Xác định số tiền chi tiêu dùng, chi đầu tư, chi tiết kiệm của A</p> <p>b. Tính tổng số tiền A nhận được sau 3 năm từ khoản đầu tư, biết rằng tỷ suất sinh lợi được cam kết là 1%/tháng, ghép lãi hàng tháng.</p> <p>c. Sau bao lâu số tiền tiết kiệm từ thu nhập hàng tháng đạt được 272 triệu, biết rằng ngân hàng áp lãi suất gửi góp là 5%/năm?</p> <p>d. Xác định số tiền A trả nợ hàng quý khi A dùng số tiền từ số tiết kiệm trả trước và vay thêm ngân hàng để mua 1 xe ô tô trị giá 600 triệu đồng để làm phương tiện tạo thêm thu nhập hàng tháng. Ngân hàng chào lãi suất vay trả góp mua xe ô tô là 9%/năm cố định trong 5 năm.</p>				
0,5	a. Xác định số tiền chi tiêu dùng, chi đầu	Giá trị	Đơn vị tính		
	Thu nhập trung bình/tháng	20	triệu đồng		
	Tỷ trọng chi tiêu dùng	50%			
	Tỷ trọng chi đầu tư	30%			
	Tỷ trọng tiết kiệm	20%			
	Số tiền chi tiêu dùng	10	triệu đồng		
	Số tiền đầu tư	6	triệu đồng		
	Số tiền tiết kiệm	4	triệu đồng		
0,5	b. Tính tổng số tiền A nhận được sau 3 năm từ khoản đầu tư, biết rằng tỷ suất sinh lợi được cam kết là 1%/tháng, ghép lãi hàng tháng.				
	Lãi suất	1%	/tháng		
	Thời gian đầu tư	3,00	Năm		
	Số tiền nhận được	258,46	Triệu đồng		
0,5	c. Sau bao lâu số tiền tiết kiệm từ thu nhập hàng tháng đạt được 272 triệu, biết rằng ngân hàng áp lãi suất gửi góp là 5%/năm?				
	Số tiền kỳ vọng	272,00	triệu đồng		
	Lãi suất tiết kiệm gửi góp	5%	/Năm		
	Thời gian	60,00	tháng		
	Thời gian	5,00	năm		
0,5	d. Xác định số tiền A trả nợ hàng quý				
	Giá trị số tiết kiệm	200,00	triệu đồng		
	Giá trị xe muốn mua	600,00	triệu đồng		
	Số tiền đi vay	400,00	triệu đồng		
	Thời gian vay	5,00	năm		
	Lãi suất vay	9,00%	/năm		
	Số tiền trả nợ hàng quý	(25,06)	triệu đồng		

2 Câu 2: (2 điểm)

Xác định kết quả kinh doanh của một sự kiện âm nhạc như sau:

- Ước tính lượng vé bán ra là 10.000 vé
- Giá vé trung bình: 300 ngàn đồng/vé
- Tỷ lệ chiết khấu cho các đại lý bán vé là 10%

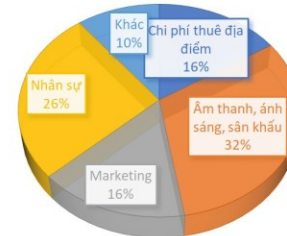
Chi phí hoạt động của sự kiện gồm: Thuê địa điểm: 300 triệu đồng; âm thanh, ánh sáng, sân khấu: 600 triệu đồng; Marketing: 300 triệu đồng; nhân sự 500 triệu đồng; chi phí khác: 200 triệu đồng

- Tóm tắt thông số đầu vào
- Tính tỷ trọng các loại chi phí/tổng chi phí và về đồ thị
- Xác định kết quả kinh doanh biết rằng, sự kiện chịu thuế thu nhập 10%
- Xác định các kết quả lợi nhuận trong các kịch bản sau:

0,5	a. Tóm tắt thông tin	Giá trị	Đơn vị tính
	Lượng vé bán	10.000	
	Giá vé	0	ngàn đồng
	Tỷ lệ chiết khấu	10%	
	Chi phí thuê địa điểm	300	triệu đồng
	Âm thanh, ánh sáng, sân khấu	600	triệu đồng
	Marketing	300	triệu đồng
	Nhân sự	500	triệu đồng
	Khác	200	triệu đồng
	Thuế suất thuế TN	10%	

0,5	b. Tính tỷ trọng các loại chi phí/tổng chi phí và về đồ thị tỷ trọng	DVT: triệu đồng
	Tổng chi phí	1.900
	Chi phí thuê địa điểm	15,79%
	Âm thanh, ánh sáng, sân khấu	31,58%
	Marketing	15,79%
	Nhân sự	26,32%
	Khác	10,53%

ĐỒ THỊ TỶ TRỌNG CHI PHÍ



0,5	c. Xác định kết quả kinh doanh	DVT: triệu đồng
	Doanh thu	2.700
	Chi phí	1.900
	Lợi nhuận trước thuế	800
	Thuế	80
	Lợi nhuận sau thuế	720

0,5	d. Phân tích sự thay đổi của lợi nhuận	A	B	C
	Tình huống			
	Tỷ suất chiết khấu	30%	20%	10%
	Chi phí nhân sự	700	600	500
	Marketing	500	400	300

Scenario Summary

Current Values:

A

B

C

Created by LoanLee on 4/11/2024

Created by LoanLee on 4/11/2024

Created by LoanLee on 4/11/2024

Changing Cells:

Tỷ suất chiết khấu	\$C\$50	10%	30%	20%	10%
Chi phí nhân sự	\$C\$54	500	700	600	500
Marketing	\$C\$53	300	500	400	300
Result Cells:					
Lợi nhuận sau thuế	\$C\$72	720	(200)	270	720

1,5	Câu 3 (1.5 điểm)				
	Cổ phiếu ABC vừa chia cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 1.000 đồng. Công ty hiện đang có mức độ tăng trưởng là 15%/năm trong vài năm nay, dự đoán mức độ tăng trưởng này còn duy trì trong 3 năm nữa. Sau đó, mức độ tăng trưởng sẽ chậm lại và ổn định ở mức 8%. Nếu suất sinh lợi yêu cầu trên cổ phiếu là 10%/năm, hãy tính:				
0,5	a. Giá cổ phiếu năm 3				
0,5	b. Hiện giá cổ phiếu trên thị trường (năm 0)				
0,5	c. Nếu sau 1 năm giá cổ phiếu là 60.000 đồng thì bạn có mua cổ phiếu không?				
	g trong 3 năm đầu	15%			
	g vĩnh viễn	8%			
	Suất sinh lời yêu cầu	10%			
	Cổ tức năm 0 (đồng)	1.000			
	Năm	0	1	2	3
	Cổ tức		1.150,00	1.150,00	1.150,00
	a. Giá cổ phiếu năm 3				62.100,00
	Dòng tiền ròng		1.150,00	1.150,00	63.250,00
	b. Giá cổ phiếu năm 0	49.516,53			
	c. Sau 1 năm				
	Giá thị trường CP (đồng)	60.000			
	Dòng tiền nhận được từ cổ phiếu				
	Năm	0	1	2	
	Dòng tiền ròng		1.150,00	63.250,00	
	Định giá cổ phiếu	53.318,18	Không mua vì giá trị CP thấp hơn giá thị trường		

0,4	Bảng 1: Lịch khấu hao tài sản cố định						Dvt: triệu đồng
	Khấu hao nhà xưởng						
	Năm	0	1	2	3	4	5
0,1	Giá trị TSCĐ đầu kỳ		600	500	400	300	200
0,1	Giá trị khấu hao hàng năm		100	100	100	100	100
0,1	Khấu hao lũy kế		100	200	300	400	500
0,1	Giá trị TSCĐ cuối kỳ	600	500	400	300	200	100
0,6	Bảng 2: Lịch lịch vay và trả nợ						Dvt: triệu đồng
	Năm	0	1	2	3		
0,1	Dư nợ đầu kỳ	0	320	213	107		
0,1	Giá trị vay trong kỳ	320					
0,1	Trả nợ		151	137	122		
0,1	- Vốn gốc		106,67	106,67	106,67		
0,1	- Tiền lãi		45	30	15		
0,1	Dư nợ cuối kỳ	320	213	107	-		
1	Bảng 3: Doanh thu						
	Năm	0	1	2	3	4	5
0,2	Sản lượng dịch vụ A		300,00	303,00	306,00	309,00	312,00
0,2	Đơn giá dịch vụ A		5,00	5,25	5,51	5,79	6,08
0,2	Sản lượng dịch vụ B		600,00	612,00	624,00	636,00	649,00
0,2	Đơn giá dịch vụ B		3,00	3,15	3,31	3,47	3,65
0,2	Tổng doanh thu (DVT: triệu đồng)		3.300,00	3.518,55	3.750,71	3.997,28	4.262,78
0,7	Bảng 4: Chi phí hoạt động (không bao gồm khấu hao)						
	Năm	0	1	2	3	4	5
0,1	Biến phí đơn vị dịch vụ A		3	3,18	3,37	3,57	3,79
0,1	Tổng biến phí dịch vụ A		900	964	1.031	1.104	1.182
0,1	Biến phí đơn vị dịch vụ B		2,00	2,12	2,25	2,38	2,52
0,1	Tổng biến phí dịch vụ B		1.200	1.297	1.402	1.515	1.639
0,1	Chi phí quản lý, marketing		759	809	863	919	980
0,1	Chi phí khác		165	176	188	200	213
0,1	Tổng chi phí hoạt động (DVT: triệu đồng)		3.024	3.246	3.484	3.738	4.014
0,8	Bảng 5: Báo cáo Kết quả kinh doanh						Dvt: triệu đồng
	Năm	0	1	2	3	4	5
0,1	Doanh thu		3.300,0	3.518,6	3.750,7	3.997,3	4.262,8
0,1	Tổng chi phí hoạt động		3.024,0	3.246,2	3.483,9	3.738,3	4.014,0
0,1	Khấu hao		100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
0,1	Lợi nhuận trước thuế và lãi vay		176,0	172,4	166,8	159,0	148,8
0,1	Chi phí lãi vay		44,8	29,9	14,9	-	-
0,1	Lợi nhuận trước thuế		131,2	142,5	151,9	159,0	148,8
0,1	Thuế thu nhập doanh nghiệp		26,2	28,5	30,4	31,8	29,8
0,1	Lợi nhuận sau thuế		105,0	114,0	121,5	127,2	119,1
0,7	Bảng 6: Báo cáo dòng tiền dự án theo quan điểm chủ sở hữu	PP gián tiếp					Dvt: triệu đồng
	Năm	0	1	2	3	4	5
0,1	Lợi nhuận sau thuế		105	114	121	127	119
0,1	Khấu hao		100	100	100	100	100
0,1	Giá trị thanh lý						100
0,1	Tổng đầu tư	(800)					
0,1	Vốn lưu động						200
0,1	Nhận vốn vay	320					
0,1	Trả vốn gốc		-107	-107	-107	0	0
	Dòng tiền ròng	(480)	98	107	115	227	519
0,15	NPV	94,35					
0,15	IRR	24,18%					